

Số: **1438** /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày **27** tháng **5** năm **2019**

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ để tuyển chọn, xét giao trực tiếp thực hiện trong Kế hoạch năm 2020 (đợt 1)

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương và Thông tư số 37/2016/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ để tổ chức tuyển chọn, xét giao trực tiếp thực hiện trong Kế hoạch năm 2020 (đợt 1) tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ thông báo, hướng dẫn đơn vị xây dựng hồ sơ, tổ chức tuyển chọn, xét giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Khoa học và Công nghệ, Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, KHCN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Cao Quốc Hưng

PHỤ LỤC.
DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ CÔNG THƯƠNG
TUYỂN CHỌN THỰC HIỆN TRONG KẾ HOẠCH NĂM 2020 (ĐỢT 1)
(Kèm theo Quyết định số 1438 /QĐ-BCT ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Tên nhiệm vụ đặt hàng	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
I.	KHÓI KHOÁNG SẢN-LUYỆN KIM-HÓA CHẤT				
I.1	Phân ngành: Hóa chất				
1.	Nghiên cứu quy trình công nghệ tổng hợp hoạt chất Halosunfuron methyl ứng dụng để sản xuất thuốc diệt cỏ	Xây dựng được quy trình công nghệ tổng hợp hoạt chất Halosunfuron methyl ứng dụng để sản xuất thuốc diệt cỏ phục vụ sản xuất nông nghiệp	- Quy trình công nghệ tổng hợp hoạt chất Halosunfuron methyl quy mô 50g/mẻ. - Quy trình tinh chế quy mô 50g/mẻ, đạt hàm lượng Halosunfuron methyl $\geq 95\%$; - Hồ sơ xác định cấu trúc của Halosunfuron methyl; - 100g hoạt chất Halosunfuron methyl đạt hàm lượng $\geq 95\%$; - Quy trình công nghệ sản xuất thuốc diệt cỏ có chứa hoạt chất Halosunfuron methyl; - Hồ sơ báo cáo về hiệu lực của thuốc diệt cỏ chứa hoạt chất Halosunfuron methyl đã sản xuất (bao gồm nội dung thử nghiệm trên đồng ruộng)	Tuyển chọn	
2.	Nghiên cứu quy trình sản xuất dầu phanh đạt tiêu chuẩn DOT 5	Xây dựng được quy trình sản xuất dầu phanh đạt tiêu chuẩn DOT 5	- Đơn pha chế dầu phanh đạt tiêu chuẩn DOT 5; - Quy trình sản xuất dầu phanh đạt tiêu chuẩn DOT 5; - Sản xuất 500 lít dầu phanh đạt tiêu chuẩn DOT 5; - Hồ sơ chất lượng để minh chứng sản phẩm đạt tiêu chuẩn DOT 5	Tuyển chọn	
3.	Nghiên cứu tổng hợp ethylene – urea làm phụ gia cho keo Urea-Formaldehyde	Xây dựng được quy trình tổng hợp ethylene – urea và ứng dụng để tạo ra được hệ phụ gia cho keo Urea-Formaldehyde	- Quy trình công nghệ tổng hợp ethylene – urea; - Hồ sơ xác định cấu trúc của ethylene – urea; - 10 kg ethylene – urea có hàm lượng $\geq 98,5 \%$; - Đơn pha chế phụ gia cho keo Urea-Formaldehyde từ ethylene – urea đã tổng hợp; - Quy trình ứng dụng hệ phụ gia đã pha chế vào sản xuất keo Urea-Formaldehyde;	Tuyển chọn	

TT	Tên nhiệm vụ đặt hàng	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
			- 1000 kg keo Urea-Formaldehyde có sử dụng hệ phụ gia đã pha chế; - Hồ sơ kiểm tra chất lượng của keo Urea-Formaldehyde sử dụng hệ phụ gia đã pha chế; - Ứng dụng keo Urea-Formaldehyde sử dụng hệ phụ gia đã pha chế vào một cơ sở sản xuất gỗ ép; - Hồ sơ kiểm tra chất lượng của gỗ ép đã dùng keo Urea-Formaldehyde sử dụng hệ phụ gia đã pha chế (đạt tiêu chuẩn để xuất khẩu vào EU)		
4.	Nghiên cứu giải pháp công nghệ và thiết kế, chế tạo thiết bị bổ sung nhằm nâng cao hiệu quả sử lý khí thải trong sản xuất NPK	Xây dựng được giải pháp công nghệ, thiết kế, chế tạo thiết bị bổ sung nhằm nâng cao hiệu quả sử lý khí thải trong sản xuất NPK	- Giải pháp công nghệ khả thi để nâng cao hiệu quả sử lý khí thải trong sản xuất NPK; - Lựa chọn một cơ sở sản xuất NPK tại Việt Nam để áp dụng giải pháp; - Thiết kế, chế tạo các thiết bị bổ sung cho hệ thống sử lý khí của cơ sở sản xuất NPK đã lựa chọn - Hồ sơ thiết kế, lắp đặt, vận hành các thiết bị đã bổ sung để nâng cao hiệu quả sử lý khí thải trong sản xuất NPK của cơ sở sản xuất đã lựa chọn; - Hồ sơ minh chứng việc nâng cao hiệu quả sử lý khí thải trong sản xuất NPK của cơ sở sản xuất đã lựa chọn;	Tuyển chọn	
I.2	Phân ngành: Luyện kim				
5.	Nghiên cứu công nghệ sản xuất thép hợp kim chất lượng cao mác 9X5BΦ để chế tạo bát khuôn ép vitme.	Xác lập được quy trình công nghệ để sản xuất thép 9X5BΦ đạt tiêu chuẩn ГОСТ 5950 của Nga.	- 200 kg Thép 9X5BΦ có chất lượng đạt tiêu chuẩn ГОСТ 5950 của Nga. - 10 bát khuôn ép vitme chế tạo từ thép 9X5BΦ được đơn vị dùng thử chấp nhận. - Quy trình công nghệ sản xuất thép 9X5BΦ có thể triển khai ở qui mô công nghiệp.	Tuyển chọn	
6.	Nghiên cứu công nghệ chế tạo gang hợp kim chịu mài mòn mác KmTBCr15Mo2 để làm tấm phản kích	Xác lập được quy trình công nghệ chế tạo gang hợp kim mác KmTBCr15Mo2 đạt tiêu chuẩn GB 8491-87 của Trung Quốc.	- 05 tấm phản kích chế tạo từ gang hợp kim KmTBCr15Mo2 được đơn vị dùng thử chấp nhận. - 200 kg Gang KmTBCr15Mo2 có chất lượng đạt tiêu chuẩn GB 8491-87 của Trung Quốc. - Quy trình công nghệ chế tạo gang hợp kim mác KmTBCr15Mo2 có thể áp dụng được vào thực tiễn sản xuất.	Tuyển chọn	

TT	Tên nhiệm vụ đặt hàng	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
	trong máy nghiền than.				
7.	Nghiên cứu công nghệ chế tạo thép đúc bền nhiệt mác ZG40Cr25Ni20 để ứng dụng chế tạo con lăn lò nung.	Xác lập được quy trình công nghệ để sản xuất thép đúc bền nhiệt mác ZG40Cr25Ni20 đạt tiêu chuẩn GB 8492-87 của Trung Quốc.	- 03 chi tiết con lăn lò nung chế tạo từ thép nghiên cứu của đề tài được đơn vị dùng thử chấp nhận. - 200kg thép ZG40Cr25Ni20 đề tài chế tạo được có chất lượng đạt tiêu chuẩn GB 8492-87 của Trung Quốc. - Quy trình công nghệ sản xuất thép đúc ZG40Cr25Ni20 có thể triển khai vào thực tiễn sản xuất công nghiệp.	Tuyển chọn	
II KHÓI CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG					
II.1 Phân ngành: Bông					
8.	Nghiên cứu và phát triển một số giống bông xơ màu và xơ chất lượng cao	- Xác định được một số giống bông xơ màu và xơ chất lượng cao. - Hoàn thiện quy trình kỹ thuật canh tác cho giống bông giới thiệu.	- Xác định và giới thiệu được 1 - 2 giống bông xơ màu và 1-2 giống bông xơ chất lượng cao. - Quy trình kỹ thuật canh tác cho các giống bông giới thiệu. - Xây dựng mô hình cho giống bông mới (5-10 ha/giống).	Tuyển chọn	
9.	Nghiên cứu đơn giản hóa quy trình trồng bông tại các tỉnh miền núi phía Bắc	Mục tiêu tổng quát: Đánh giá, xác định được một số biện pháp kỹ thuật để bổ sung, xây dựng quy trình kỹ thuật trồng bông tại các tỉnh miền núi phía Bắc theo hướng đơn giản hóa một số khâu phù hợp với tập quán canh tác của nông dân địa phương và đạt hiệu quả kinh tế cao. Mục tiêu cụ thể: - Xác định được 1 – 2 giống bông phù hợp cho xây dựng	- Quy trình kỹ thuật trồng bông theo hướng đơn giản hóa phù hợp tại các tỉnh miền núi phía Bắc: được thông qua Hội đồng cấp cơ sở. - Mô hình thực nghiệm: diện tích đạt 2,0ha/mô hình/vùng, hiệu quả kinh tế đạt $\geq 10\%$ so với mô hình truyền thống. Mô hình áp dụng kết quả nghiên cứu của đề tài nhằm tạo nền tảng cho nhân rộng ra sản xuất. - 01 bài báo khoa học: Phản ánh được nội dung nghiên cứu của đề tài và được đăng tải trên tạp chí chuyên ngành Trung ương.	Tuyển chọn	

TT	Tên nhiệm vụ đặt hàng	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
		quy trình kỹ thuật. - Xác định được loại phân, số lần bón thúc, thời điểm bón, liều lượng và thời kỳ phun Ethrel thích hợp cho cây bông đạt hiệu quả kinh tế cao. - Xây dựng được mô hình thực nghiệm áp dụng các kết quả của đề tài với quy mô diện tích 2,0ha/mô hình/vùng, hiệu quả kinh tế đạt $\geq 10\%$ so với mô hình truyền thống. - Đề xuất quy trình kỹ thuật trồng bông theo hướng đơn giản hóa phù hợp tại các tỉnh miền núi phía Bắc.			
II.2 Phân ngành: Thuốc lá					
10.	Nghiên cứu phòng trừ một số đối tượng sâu và bệnh virus chính gây hại thuốc lá bằng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hoá học và sinh học để sản xuất thuốc lá nguyên liệu hiệu quả và an toàn.	Đánh giá được hiệu lực và xây dựng quy trình phòng trừ một số đối tượng sâu và bệnh virus gây hại chính trên cây thuốc lá của một số loại thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học và hóa học đảm bảo hiệu quả và an toàn trong sản xuất nguyên liệu thuốc lá.	- Báo cáo về hiệu lực phòng trừ sâu và bệnh virus gây hại chính trên cây thuốc lá của các một số thuốc BVTV có nguồn gốc hóa học và sinh học. + Xây dựng quy trình kỹ thuật sử dụng thuốc BVTV trên cây thuốc lá.	Tuyển chọn	
11.	Nghiên cứu phối trộn phân hữu cơ đặc chủng cho cây thuốc lá vàng sáy ở miền núi phía Bắc.	Tạo 01 - 02 loại phân hữu cơ đặc chủng cho cây thuốc lá vàng sáy ở miền núi phía Bắc.	- Phân có hàm lượng: $N+P_2O_5+K_2O \geq 18\%$ và N hoặc P_2O_5 hoặc $K_2O \geq 3\%$; Chất hữu cơ $\geq 5\%$; pH ≥ 5; Độ ẩm $\leq 10\%$. - Năng suất ruộng thuốc lá bón phân có năng $\geq 10\%$ so với đối chứng.	Tuyển chọn	

TT	Tên nhiệm vụ đặt hàng	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
	lá vàng sảy ở miền núi phía Bắc		- Chất lượng thuốc lá đảm bảo tiêu chuẩn thuốc lá vàng sảy. - 01 bài báo đăng tải các nội dung nghiên cứu của đề tài trên các tạp chí chuyên ngành Trung ương.		
12.	Khảo nghiệm một số giống thuốc lá nhập nội tại vùng trung di miền núi phía Bắc	Xác định được 1-2 giống có chất lượng nguyên liệu tốt, kháng cao bệnh đen thân do nấm <i>Phytophthora parasitica</i> , kháng khá bệnh héo rũ do vi khuẩn <i>Ralstonia solanacearum</i> để phát triển giống mới	- ≥ 01 giống có mức kháng cao bệnh đen thân do nấm <i>Phytophthora parasitica</i> hoặc kháng khá bệnh héo rũ do vi khuẩn <i>Ralstonia solanacearum</i>. - ≥ 01 giống có chất lượng nguyên liệu tốt thể hiện ở các đặc tính: tỷ lệ lá cấp 1+2 > 60%; các tiêu chí hàm lượng nhựa thơm, mật độ lông tiết, điểm hương thơm, ... vượt so với giống đối chứng C9-1. - 01 bài báo đăng tải các nội dung nghiên cứu của đề tài trên các tạp chí chuyên ngành Trung ương.	Tuyển chọn	
13.	Nghiên cứu sử dụng polyphenol chiết xuất từ cây chè làm hương liệu trong sản xuất thuốc lá điếu	Đánh giá ảnh hưởng của polyphenol chiết xuất từ cây chè đến tính chất hút cảm quan thuốc lá điếu, hàm lượng tar và nicotin	- Quy trình sử dụng polyphenol chiết xuất từ cây chè trong sản xuất thuốc lá điếu. - 02 mẫu chế phẩm polyphenol chiết xuất từ cây chè sử dụng trong sản xuất thuốc lá điếu.	Tuyển chọn	
II.3 Phân ngành: Dệt may					
14.	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ in 3D trong thiết kế thời trang	Áp dụng công nghệ in 3D trong quá trình thiết kế và triển khai mẫu thiết kế trong sản xuất	- Xây dựng được quy trình chuyển từ mẫu thiết kế của nhà thiết kế lên mẫu 3D (ra được sản phẩm mẫu 3D). - Xây dựng quy trình chuyển từ mẫu 3D sang thiết kế 2D (thiết kế, rã mẫu, lên mẫu 2D, quy trình may hoàn chỉnh). - Đề xuất hướng chuyển giao công nghệ. - 01 bộ mẫu sản phẩm ứng dụng công nghệ in 3D để ra mẫu hoàn chỉnh.	Tuyển chọn	



TT	Tên nhiệm vụ đặt hàng	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
III.	KHỐI NĂNG LƯỢNG				
III.1	Phân ngành: Dầu khí				
15.	Nghiên cứu chế tạo hệ hóa phẩm ức chế ăn mòn axit bằng nguồn nguyên liệu trong nước, áp dụng cho ngành khai thác dầu khí	- Xây dựng quy trình chế tạo chất ức chế ăn mòn môi trường axit. - Tổng hợp được 2000 kg hệ hóa phẩm chất ức chế ăn mòn, khi sử dụng trong dung dịch axit đảm bảo tốc độ ăn mòn của dung dịch axit đối mẫu thép P110 trong điều kiện via (120°C, 100 atm) phải nhỏ hơn 10 mm/năm.	- Quy trình công nghệ tổng hợp hệ hóa phẩm chất ức chế ăn mòn. - 2000 kg hệ hóa phẩm ức chế ăn mòn đảm bảo yêu cầu: + Hóa phẩm chất ức chế ăn mòn sử dụng trong các dung dịch axit để xử lý vùng cận đáy giếng, nâng cao hiệu quả khai thác dầu: + Tỷ trọng: 0,97÷1,15 g/cm³ + Tan, phân tán hoàn toàn trong nước biển, dung dịch axit. + Đảm bảo tốc độ ăn mòn của dung dịch axit khi sử dụng chất ức chế ăn mòn với nồng độ ≤ 3% đối mẫu thép P110 trong điều kiện via (120°C, 100 atm) phải nhỏ hơn 10 mm/năm. - Quy trình thử nghiệm. - Báo cáo tổng kết đề tài	Tuyển chọn	